

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT
Ngày: 21/10/2021
V/v: TrAh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn ThAh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện K2 sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu TrAg - K2 sát viên.

Ngày 15 và 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về “TrAh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã TS bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2021/QĐPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K, sinh năm 1957 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố TT, phường TS, thị xã TS, BN.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1968 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố TT, phường TS, thị xã TS, BN.

(Ông D ủy quyền cho ông H; bà Q ủy quyền cho ông L đại diện đều có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua:

1. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1955; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện BT, tỉnh TH (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958; trú tại: Thôn Đại Tảo, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh BN (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1961 (có mặt).

4. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1964 (có mặt).

5. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966 (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1971 (có mặt).

7. Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1972 (vắng mặt).

8. Ah Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Khu phố TT, phường TS, thị xã TS, BN;

(Ông Đ, ông D1 ủy quyền cho ông H; ông G Ah H cùng ủy quyền cho ông L).

9. Ủy ban nhân dân phường TS, thị xã TS, tỉnh BN;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Viết T1, Chức vụ: Chủ tịch UBND phường (vắng mặt).

10. Ủy ban nhân dân thị xã TS;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Bá H3, chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huy C, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã TS (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Chí K, bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Chí K và bà Nguyễn Thị X trình bày: Nguồn gốc đất của gia đình ông K là được cụ T2 (bố của liệt sĩ L2) tặng cho từ năm 1973. Thửa đất đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông M; phía Nam giáp chùa khu TT; phía Đông giáp nhà ông K2, ông H3 và ông H4; phía Tây giáp nhà ông A.

Thửa đất đã sử dụng về các cạnh phía Đông, Nam, Bắc không có sự tranh chấp về mốc giới. Riêng cạnh phía Tây giáp đất cụ A đã có tranh chấp từ nhiều năm nay. Khi ông K nhận đất thì thửa đất của cụ A đã có nhà ở (mặt quay hướng Tây) xây dựng từ trước. Phần tường sau nhà xây hết phần đất (là đường ranh giới giữa hai thửa đất). Rãnh nước chảy (giọt ranh) nằm bên phần đất nhà ông K.

Năm 1974, ông K xây nhà ở. Vì thửa đất của cụ A đã xây nhà trước nên ông xây lùi lại và vẫn để rãnh nước chảy giữa hai nhà có chiều rộng khoảng 50-60cm; chiều dài chạy dọc đất của hai nhà. Khoảng năm 1991, cụ A phá nhà cũ hướng Tây để xây nhà quay hướng Nam thì phần đầu hồi nhà lại được xây hết

cả phần rãnh nước, xây lấn sAg đất của ông K làm cho đầu hồi của hai nhà giáp nhau, không còn khoảng cách 50-60cm như trước. Hai nhà đã xảy ra trAh chấp. Ông K đã làm đơn ra UBND xã TS. UBND xã đã đình chỉ việc xây dựng của cụ A, nhưng cụ A vẫn tiếp tục xây dựng. Gia đình ông K liên tục khiếu nại trong nhiều năm liền. Sau đó ông K khởi kiện ra Tòa án buộc anh D, chị Q (người đang sử dụng đất của cụ A) phải trả lại diện tích đất trước đây là rãnh nước giữa hai nhà, mà cụ A đã xây đầu hồi nhà trên đó.

Ông K, bà X không biết việc Cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ A. Đến khi tiến hành việc đo đạc chính quy năm 2014 ông mới biết hộ cụ A được cấp GCNQSDĐ bao gồm cả diện tích rãnh nước của gia đình ông. Năm 1991, ngoài việc xây nhà lấn đất của gia đình ông, gia đình cụ A còn xây tường bao lấn ra lối đi chung. Gia đình ông K đã sử dụng lối đi này vào đất của mình. Lối đi này có tứ cận: Phía Bắc giáp đất của ông A dài 13,3m; phía Nam giáp đất chùa dài 12m; phía Đông giáp đất ông K dài 2,2m; phía Tây giáp đường làng và đất chùa.

Trước đây ngõ đi là hình chữ nhật vuông vức, cạnh phía Tây và phía Đông đều có độ dài 2,2m. Nhưng ông A xây dựng tường bao đã lấn ra ngõ đi, nên mặt ngõ phía Tây chỉ còn 1,3m; khiến cho việc sử dụng đất của ông K gặp khó khăn vì ngõ đi bị thu hẹp.

Ông K, bà X bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông D, bà Q phải trả lại cho ông K phần đất đã lấn chiếm là $16,4m^2$ ở cạnh Đông đất của ông A; phá dỡ phần tường bao, trả lại diện tích ngõ đi hơn $8m^2$; hủy GCNQSDĐ của hộ gia đình cụ A vì đã cấp chồng lấn lên diện tích đất của ông K, bà X.

Bị đơn và những người liên quan do ông H, ông L đại diện theo ủy quyền trình bày: Cụ A và cụ P sinh được 08 người con gồm: Ông Đ, ông L, ông H, ông T, ông D1, ông G, ông D và bà H. Các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Các cụ mất không để lại di chúc nên thừa đất đứng tên hộ cụ A vẫn là tài sản chung của cả gia đình, chưa phân chia cho ai. Thừa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông M; phía Nam giáp ngõ đi vào đất ông K; phía Đông giáp đất ông K; phía Tây giáp ngõ làng.

Thừa đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ A với diện tích $186m^2$. Nguồn gốc do từ nhiều đời trước để lại cho cụ A. Từ trước đến nay không có sự trAh chấp về mốc giới. Công trình trên đất là nhà ở hướng Tây (phần tường phía sau nhà giáp với đất ông K) đã được xây dựng và sử dụng ổn định từ nhiều đời không có trAh chấp với chủ đất cũ trước ông K. Trước khi ông K làm nhà năm 1974 thì đất chỉ là vườn, không có công trình xây dựng gì.

Năm 1991, cụ A phá nhà cũ (hướng Tây), xây nhà mới (hướng Nam) nhưng vẫn giữ nguyên mốc giới. Đầu hồi của nhà ông K và đầu hồi của nhà cụ

A vẫn đứng mốc giới ngăn cách vì bên gia đình ông K xây nhà trước thời điểm cụ A phá nhà cũ xây nhà mới. Phần nhà của ông K cũng đứng rAh giới.

Toàn bộ công trình xây dựng trên đất hiện ông D và bà Q đAg sử dụng cũng là do cụ A và cụ Phúc xây dựng. Ông D, bà Q chỉ quản lý và sử dụng, không xây dựng hay cải tạo thêm gì. Các con của ông D, bà Q cũng không có công sức gì đối với tài sản trên đất.

Phần tường bao phía ngõ đi vào nhà ông K cũng xây đúng mốc giới, không lấn chiếm ra ngõ đi như ông K trình bày. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà X.

Đại diện UBND phường TS trình bày: Toàn bộ tài liệu về hai thửa đất của gia đình cụ A và ông K đã được cung cấp cho Tòa án. Diện tích đất của cụ A đã được cấp GCNQSDĐ. Đất của gia đình ông K, bà X chưa được cấp GCNQSDĐ do có sự trAh chấp. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND thị xã Từ Sơn trình bày: Năm 2001, UBND huyện Từ Sơn (nay là thị xã TS) đã công nhận quyền sử dụng đất cho cụ A. Trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình cụ Nguyễn Ngọc A hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 87, 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 157, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 21, Điều 28, Điều 29, Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; khoản 2 Điều 3, Điều 34 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 100, 203 Luật Đất đai năm 2014; Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TADTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện K2 sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp về Hướng dẫn thi hành Điều 32A của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí K và bà Nguyễn Thị X về việc:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị Q đAg sử dụng đất và những người con của cụ Nguyễn Ngọc A (gồm ông Nguyễn Ngọc Đức, ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc Dũng, ông Nguyễn Ngọc GiAg, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hậu) phải trả lại cho ông Nguyễn Chí K, bà Nguyễn Thị X phần đất đã lấn chiếm là 16,4m² ở cạnh Đông thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01, diện tích 168m² tại khu phố Thọ Trai, phường TS, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh được Ủy bA nhân dân huyện Từ Sơn (nay là thị xã Từ Sơn) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mAg tên hộ cụ Nguyễn Ngọc A;

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Từ Sơn (nay là thị xã Từ Sơn) cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Ngọc A đối với thửa đất nói trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên dương sự phải chịu về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2021, ông Nguyễn Chí K và bà Nguyễn Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện K2 sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần trả lời luận tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH14, xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TS. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã TS xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trả lời luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Chí K và bà Nguyễn Thị X nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Gia đình ông K sử dụng thửa đất số 87, tờ bản đồ số 54, diện tích 169m² (theo bản đồ năm 2014), có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Minh; phía Nam giáp chùa khu phố TT; phía Đông giáp nhà ông K2, ông H3 và ông Huân; phía Tây giáp nhà cụ A (nay do ông D, bà Q quản lý sử dụng). Nguồn gốc đất là do được cụ Thăng tặng cho ông K từ năm 1973. Trước khi ông K làm nhà năm 1974 thì chỉ là đất vườn. Năm 1974, ông K xây nhà hướng Nam, có hồi nhà sát đường rãnh giới với thửa đất của gia đình cụ A. Đến nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Gia đình cụ A sử dụng thửa đất số 86, diện tích 176,8m² (theo bản đồ năm 2014), có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Minh; phía Nam giáp ngõ đi vào đất ông K; phía Đông giáp đất ông K; phía Tây giáp ngõ đi của làng. Năm 2000, thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ A với diện tích 168m². Công trình

trên đất là nhà ở hướng Tây (phần tường phía sau nhà giáp với đất ông K) được xây dựng và sử dụng ổn định từ trước. Khoảng năm 1991, cụ A phá nhà cũ hướng Tây để xây nhà mới hướng Nam, có hồi nhà sát với hồi nhà ông K nên đã xảy ra trAh chấp. Ông K, bà X cho rằng gia đình cụ A đã xây cả phần rãnh nước chảy của gia đình ông K. Ngoài ra, gia đình cụ A còn xây tường bao lấn ra lối đi chung nên ông K, bà X khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã TS xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà X.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Chí K và bà Nguyễn Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Chí K, bà Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử thấy: Ông Nguyễn Chí K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho ông K phần đất đã lấn chiếm là 16,4m² ở cạnh Đông đất của cụ A, hủy GCNQSDĐ của hộ gia đình cụ A vì đã cấp chồng lấn lên diện tích đất của ông K, bà X và phá dỡ phần tường bao, trả lại diện tích ngõ đi hơn 8m². Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thì thấy: Ngày 06/5/1991, UBND xã TS (nay là phường TS) có biên bản giải quyết trAh chấp đất giữa gia đình ông K và gia đình cụ A. Sau khi có kết quả giải quyết của UBND xã TS ông K không chấp nhận và tiếp tục khiếu nại lên UBND huyện Tiên Sơn. Ngày 17/8/1991, UBND huyện Tiên Sơn có kết luận về việc giải quyết đơn thư khiếu nại của Công dân số 219/KL-UB. Tại mục 3 kết luận: “Đối với ông Nguyễn Ngọc A thừa 24m² chiếm dụng ra ngõ của làng ở phía Tây... giao cho UBND xã TS xử lý diện tích đất lấn chiếm trên”. Không đồng ý với kết luận của UBND huyện Tiên Sơn, ông K tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh Hà Bắc. Ngày 08/7/1992, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc có công văn số 412/NGN-UB giao cho Sở Nông nghiệp giải quyết khiếu nại của ông K. Ngày 16/8/1992, Sở Nông nghiệp Hà Bắc có báo cáo số 25/TT về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân trình UBND tỉnh Hà Bắc ra quyết định yêu cầu UBND huyện Tiên Sơn chỉ đạo UBND xã TS yêu cầu gia đình ông A:

1. Tự giác tháo dỡ móng đầu hồi nhà đã xây đè lên mái bếp của gia đình ông K;
2. Tháo dỡ bồn hoa để rãnh thoát nước cách tường bếp nhà ông K tối thiểu 30cm;
3. Tháo dỡ tường ngăn và chuồng trâu để giải phóng ngõ đi của nhà ông K ra đường làng đủ chiều rộng 2m.

Theo kết luận số 219/KL-UB ngày 17/8/1991 của UBND huyện Tiên Sơn và báo cáo số 25/TT ngày 16/8/1992 của Sở Nông nghiệp Hà Bắc đều xác định gia đình ông A có việc lấn chiếm đất của gia đình ông K. Tại phiên tòa phúc thẩm ông K trình bày về việc gia đình ông không nhất trí với việc giải quyết của

UBND huyện Tiên Sơn và của Sở Nông nghiệp Hà Bắc nhưng đến nay vẫn chưa có trả lời của cấp có thẩm quyền. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã TS ngày 02/3/2021 về nguồn gốc thửa đất của hộ ông Nguyễn Chí K và hộ cụ Nguyễn Ngọc A qua các thời kỳ đã xác định thửa đất của gia đình cụ A có biến động tăng từ 168m² lên 176,8m². Như vậy, bản án sơ thẩm nhận định về việc ông K, bà X không nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận đất thổ cư của cụ Nguyễn Ngọc A ngày 15/9/2000 thì ngày 23/3/2001 UBND huyện TScấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Ngọc A. Tuy nhiên, đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận đất thổ cư của cụ A tại phần tiếp giáp phía Đông của thửa đất không có chữ ký xác nhận của hộ ông Nguyễn Chí K. Mặt khác, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ A thì thửa đất đAg có trAh chấp với hộ ông K, ông K liên tục khiếu nại nhưng chưa được cơ quA có thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, tại công văn số 41/BC-UBND ngày 18/10/2016 của Ủy bA nhân dân xã TS (nay là phường TS - Hội đồng đăng ký, xét duyệt, thẩm định đất đai tại địa pH) đã kiến nghị UBND thị xã TS xem xét về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ A không phù hợp với báo cáo số 25/TT ngày 16/8/1992 của Giám đốc Sở Nông nghiệp Hà Bắc. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện TS cho hộ cụ Nguyễn Ngọc A là chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm nhận định không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TS cho hộ cụ A là không đúng hướng dẫn tại Công văn số 89/TADTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với yêu cầu tháo dỡ phần tường bao để trả lại ngõ đi hơn 8m², Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý nhưng nhận định quan hệ tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và không xem xét yêu cầu này của nguyên đơn là không đúng quy định tại Điều 192 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong T hợp này, nếu xét thấy yêu cầu của đương sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án thì Tòa án cấp sơ thẩm phải ra quyết định đình chỉ yêu cầu của đương sự mới phù hợp.

Xét thấy, những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm là không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông K, bà X không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã TS. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã TS giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Nguyễn Chí K và bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác được xem xét, quyết định khi Tòa án nhân dân thị xã TS giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Văn Tính

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAD thị xã TS;
- Chi cục THADS thị xã TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

